TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/HS-ST
Ngày 28-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự;
Bà Nông Thị Hồng Phương.
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 528/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lục Thị N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 08/6/1978 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú: Xóm G vung, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 02/12 phổ thông. Dân tộc: Nùng; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Lục Văn H - sinh năm 1940; Con bà Phùng Thị R - sinh năm 1947; Chồng Tô Quang S (đã chết); Có 04 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; Cùng trú tại xóm G vung, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Anh chị em ruột: Có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 05;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2023 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người bào chữa*: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

Người làm chứng:

- Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1995, địa chỉ: Số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Sơn Thị Đa N1, sinh năm 1997, địa chỉ: Ấp C, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 10 giờ 45 phút ngày 25/4/2023 tổ công tác Đ tỉnh Cao Bằng, phối hợp Công an xã K đang làm nhiệm vụ tại xóm G, xã K, huyện T phát hiện tại nhà ở của Lục Thị N có biểu hiện nghi vấn về xuất nhập cảnh trái phép, tiến hành kiểm tra phát hiện Trần Thị Cẩm V sinh năm 1995, trú tại C L, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Sơn Thị Đa N1 sinh năm 1997, trú tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và Tào Gia L sinh năm 2019 (có giấy chứng sinh) trú tại T, thôn H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc đang ở trong nhà Lục Thị N, để chờ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, các đối tượng này không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định, tổ công tác đã lập biên bản sự việc và đưa người đến Đồn Biên phòng Đ để tiếp tục xác minh làm rõ.

Tiến hành điều tra vụ án đã xác định được như sau: Giữa tháng 4/2023 có một người đàn ông không quen biết gọi qua mạng xã hội bảo Lục Thị N đón đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, còn thời gian, địa điểm sẽ thông báo sau, N đồng ý. Tối ngày 23/4/2023 người đàn ông trên bảo N đến nhà nghỉ M1 ở thị trấn T, tỉnh Cao Bằng đón 02 người phụ nữ để đưa sang Trung Quốc qua mốc 771 sẽ được trả tiền công 4.000.000 đồng, nhưng do đêm muộn nên N chưa thực hiện được. Khoảng 7 giờ ngày 24/4/2023 N đi xe máy Honda Vision màu nâu đỏ mang BKS 11K1 – 140.28 mượn của Hoàng Thị M đi ra chợ thị trấn T thì gặp chị gái Lục Thị N2, sinh năm 1976 và Vi Thị T sinh năm 1989, cùng cư trú ở xã K, huyện T, N có hỏi địa chỉ nhà nghỉ M1, nhưng cả N2 và T cũng không biết, sau đó cả 03 người đi bộ trong khu vực thị trấn T để tìm, khi đến trước cửa nhà nghỉ M1, thị trấn T thì có số điện thoại 0345.765.410 gọi cho N hỏi là "đã đón được người chưa", lúc này N nhìn thấy 01 người phụ nữ bế 01 đứa bé và có thêm người phụ nữ khác, N đến gần hỏi "có phải đi Trung Quốc không", hai người phụ nữ nói "phải", lúc này N chưa nói cho N2 biết là những người này sẽ xuất cảnh trái phép, N bảo N2 giúp chở 01 người đưa đến nhà N, N sẽ cho 200.000 đồng tiền xăng xe, còn T đi đâu N và N2 không biết, sau đó N đi lấy xe máy chở người phụ nữ tên N1 cùng 01 đứa bé đến nhà N, còn N2 dùng xe máy nhãn hiệu SYM Egant màu xanh BKS 11K1- 0188 chở người phụ nữ tên V đến nhà N. Khi đến nhà N mới nói cho N2 biết những người này sẽ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, N2 không nói gì đi về nhà luôn, sau đó V, N1 và đứa bé ngủ lại nhà của N do lực lượng chức năng đi tuần tra nên không thể vượt biên giới trái phép được. Sáng ngày 25/4/2023 người đàn ông dùng tài khoản Wechat chữ Trung Quốc có hình đại diện là người phụ nữ đội mũ gọi cho N hỏi "đưa được người xuất cảnh trái phép không", N bảo chưa đi được, thì người này nói

cứ để 03 người ở nhà N đến chiều sẽ có người đến đón để đưa qua mốc 771, nhưng đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/4/2023 nhóm người xuất cảnh trái phép đã bị tổ công tác Đồn Biên phòng Đ phát hiện ngăn chặn.

Lời khai Trần Thị Cẩm V qua người quen muốn sang Trung Quốc để làm thuê kiếm tiền trả nợ, còn Sơn Thị Đa N1 cùng con sang Trung Quốc với chồng (tên là Tào Văn C) nhưng không làm thủ tục theo quy định, vì được số điện thoại 0345.765.410 hướng dẫn đến nhà nghỉ M1, thị trấn T chờ người đón, hôm sau được N, N2 đón về nhà N để chuẩn bị xuất cảnh trái phép thì bị tổ công tác mời đến Đồn Biên phòng Đ để làm việc.

Hành vi của bị cáo Lục Thị N đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Cáo trạng số: 83/CT-VKSCB-P1 truy tố bị cáo Lục Thị N về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Lục Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* là đúng.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Khẳng định quyết định truy tố đối với bị cáo Lục Thị N về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật. Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Bị cáo Lục Thị N phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 57 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 24 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động dùng là phương tiện phạm tội của bị cáo.

Án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên bị

cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, là người dân tộc thiểu số, sinh sống vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, là lao động chính trong gia đình. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thực hiện được đến cùng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lục Thị N mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lục Thị N không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và có đủ căn cứ kết luận như sau: Vì vụ lợi, Lục Thị N được một người đàn ông không quen biết gọi điện để đón đưa 02 người phụ nữ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua mốc 771, thuộc xã K, huyện T, sẽ trả tiền công là 4.000.000 đồng. Sáng ngày 24/4/2023 N đến nhà nghỉ M1, thị trấn T, huyện T đón được 02 người phụ nữ và 01 trẻ nhỏ đưa đến nhà ở của mình để chờ người khác đến đón đưa sang Trung Quốc. Nhưng đến sáng ngày 25/4/2023 thì bị tổ tuần tra của Đồn Biên phòng Đ phát hiện ngăn chặn, bản thân Lục Thị N chưa được hưởng lợi về tiền.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để được hưởng lợi về kinh tế. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội *"Tổ chức cho*

người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc bị cáo tự ý đón công dân để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp khác. Việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có trình độ văn hóa thấp, thuộc hộ cận nghèo, được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo là người chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương tại nơi cư trú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có hai tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vụ lợi mà bị cáo đã cố ý tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Do vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Các vấn đề khác: Trong vụ án này có Lục Thị N2 được đưa Trần Thị Cẩm V đến nhà của N, nhưng hành vi của N2 không cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông dùng số điện thoại 0345 765 410 gọi cho N đưa người xuất cảnh trái phép, qua xác minh chủ thuê bao là Quàng Thị B sinh năm 1987, ở C, huyện T, tỉnh Sơn La, tuy nhiên Bương khẳng định không được sử dụng số điện thoại trên, cũng không cho ai mượn giấy tờ tuỳ thân để đăng ký, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý theo quy định.

Đối với Trần Thị Cẩm V; Sơn Thị Đa N1 (có con là Tào Gia L với người Trung Quốc) qua điện thoại của nhà xe được hướng dẫn đến huyện T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Cơ quan chức năng đã có biện pháp giáo dục nhắc nhở để không tái phạm.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Vật chứng là điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme Nazo, màu xanh – đen của bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép thì tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo về Mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lục Thị N phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lục Thị N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 27/4/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme Nazo, màu xanh - đen của bị can Lục Thị N". Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 159 ngày 14 tháng 8 năm 2023.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Lục Thị N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- PC10;
- Nhà tạm giữ CA huyện Thạch An;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT; Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Khánh